TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY NAM ĐỊNH
NAMDINH TEXTILE GARMENT J.S.CORP

QUY CHẾ

CÔNG BỐ THÔNG TIN

Của TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY NAM ĐỊNH

(Ban hành kèm theo Quyết định số 57/QĐ-DMNĐ ngày 01/09/2018)

Nam Định, Tháng 05 năm 2018

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY NAM ĐỊNH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 57/QĐ-HĐQT-DMNĐ	*Nam Định, ngày 01 tháng 09 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế Công bố thông tin
của Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 06 tháng 12 năm 2014;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29 tháng 06 năm 2006; Sửa đổi bổ sung ngày 24/11/2010;

Căn cứ Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 06 năm 2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;

Căn cứ Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;

Căn cứ Quy chế Công bố thông tin tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội ban hành kèm theo Quyết định số 606/QĐ-SGDHN ngày 29 tháng 9 năm 2016;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định;

Căn cứ Biên bản họp Hội đồng quản trị ngày 01 tháng 09 năm 2018.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này là "Quy chế Công bố thông tin của Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định".

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc, Trưởng các phòng ban chức năng, đơn vị trực thuộc và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận: - Như Điều 3; - Lưu HĐQT, VT.	**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ** **CHỦ TỊCH**
	Nguyễn Văn Miêng

MỤC LỤC

Chương I___QUY ĐỊNH CHUNG 4
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng 4
Điều 2. Giải thích từ ngữ 4
Điều 3. Nguyên tắc công bố thông tin 5
Điều 4. Người thực hiện công bố thông tin 6
Điều 5. Phương tiện công bố thông tin 6
Điều 6. Tạm hoãn công bố thông tin 7

Chương II CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA TỔNG CÔNG TY 7
MỤC 1: CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ 7
Điều 7. Công bố báo cáo tài chính năm 7
Điều 8. Báo cáo tài chính bán niên 8
Điều 9. Báo cáo tài chính quý 8
Điều 10. Các trường hợp phải giải trình nguyên nhân khi công bố báo cáo tài chính 8
Điều 11. Thông tin báo cáo thường niên 9
Điều 12. Thông tin về cuộc họp Đại hội đồng cổ đông 9
Điều 13. Công bố thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài 9
Điều 14. Công bố thông tin về báo cáo tiến độ sử dụng vốn 10
Điều 15. Gửi báo cáo danh sách cổ đông nhà nước, cổ đông lớn 10
MỤC 2: CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG 10
Điều 16. Công bố thông tin bất thường 24 giờ 10
Điều 17. Công bố thông tin Đại hội đồng cổ đông bất thường 12
Điều 18. Công bố thông tin về ngày đăng kí cuối cùng thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu 12
Điều 19. Công bố thông tin bất thường trong các trường hợp đặc biệt khác 13
MỤC 3: CÔNG BỐ THÔNG TIN THEO YÊU CẦU 13
Điều 20. Công bố thông tin theo yêu cầu 13
MỤC 4: CÔNG BỐ THÔNG TIN KHÁC 13
Điều 21. Công bố thông tin liên quan đến việc phát hành cổ phiếu, trái phiếu 13
Điều 22. Thông tin về chào mua công khai 13
Điều 23. Mua lại cổ phiếu, bán cổ phiếu quỹ 14

Chương III CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA NHÀ ĐẦU TƯ THUỘC ĐỐI TƯỢNG CÔNG BỐ THÔNG TIN 15
Điều 24. Công bố thông tin về sở hữu cổ phiếu của cổ đông lớn 15
Điều 25. Công bố thông tin về giao dịch của người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ 15

Chương IV QUY TRÌNH CÔNG BỐ THÔNG TIN 16
Điều 26. Tổ chức công bố thông tin 16
Điều 27. Quy trình công bố thông tin 17
Điều 28. Bảo quản và lưu giữ thông tin 18

Chương V XỬ LÝ VI PHẠM 18
Điều 29. Xử lý vi phạm 18

Chương VI ĐIỀU KHOẢN THỰC HIỆN 18
Điều 30. Hiệu lực thi hành 18
Điều 31. Tổ chức thực hiện 18

PHỤ LỤC 1 QUY TRÌNH CÔNG BỐ THÔNG TIN 19

PHỤ LỤC 2 DANH MỤC TÀI LIỆU CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ 21

PHỤ LỤC 3 QUY ĐỊNH CHI TIẾT THỜI GIAN, TÀI LIỆU VÀ ĐƠN VỊ CUNG CẤP THÔNG TIN

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY NAM ĐỊNH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Nam Định, ngày 01 tháng 09 năm 2018

QUY CHẾ CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY NAM ĐỊNH

(Ban hành kèm theo Quyết định số 57/QĐ-HĐQT ngày 01/09/2018 của Hội đồng quản trị)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định về việc công bố thông tin của Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định khi tham gia thị trường chứng khoán.

2. Đối tượng áp dụng:

a) Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định;

b) Nhà đầu tư thuộc đối tượng công bố thông tin;

c) Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan khác.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong quy chế này, những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *UBCKNN* là chữ viết tắt của Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước.

2. *SGDCK* là chữ viết tắt của Sở giao dịch Chứng khoán nơi Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định có cổ phiếu đăng ký giao dịch (Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hà Nội)

3. *Tổng công ty* là Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định

4. *HĐQT* là chữ viết tắt của Hội đồng quản trị

5. *Đối tượng công bố thông tin* là các đối tượng quy định tại khoản 2, Điều 1 Quy chế này.

6. *Nhà đầu tư thuộc đối tượng công bố thông tin* bao gồm:

a) Nhà đầu tư là người nội bộ của Tổng công ty và người có liên quan của người nội bộ;

b) Cổ đông lớn, nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết của Tổng công ty;

c) Nhà đầu tư hoặc nhóm nhà đầu tư có liên quan mua vào để trở thành cổ đông lớn của Tổng công ty;

d) Tổ chức, cá nhân thực hiện chào mua công khai cổ phiếu của Tổng công ty.

7. *Người nội bộ* của Tổng công ty là:

a) Thành viên HĐQT;

b) Thành viên Ban kiểm soát;

c) Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc; Cá nhân giữ chức danh quản lý khác có thẩm quyền nhân danh Tổng công ty ký kết giao dịch của Tổng công ty theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty;

d) Kế toán trưởng hoặc người phụ trách kế toán (khi chưa bổ nhiệm Kế toán trưởng);

đ) Người được ủy quyền công bố thông tin của Tổng công ty.

8. *Người có liên quan* là cá nhân hoặc tổ chức có quan hệ với nhau theo quy định tại Khoản 34 Điều 6 Luật Chứng khoán.

9. *Ngày công bố thông tin* là ngày thông tin xuất hiện trên một trong các phương tiện công bố thông tin quy định tại Khoản 1 Điều 5 Quy chế này.

10. *Ngày báo cáo về việc công bố thông tin* là ngày gửi fax, gửi dữ liệu điện tử qua email, ngày thông tin được tiếp nhận trên hệ thống thông tin điện tử của UBCKNN, SGDCK hoặc ngày UBCKNN, SGDCK nhận được văn bản báo cáo về việc công bố thông tin tùy theo thời điểm nào đến trước.

11. *Số cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết* là số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Tổng công ty đã phát hành trừ đi số cổ phiếu có quyền biểu quyết được Tổng công ty mua lại làm cổ phiếu quỹ.

12. *Tổ chức kiểm toán được chấp thuận* là tổ chức kiểm toán được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền chấp thuận thực hiện kiểm toán các đơn vị có lợi ích công chúng theo quy định tại Nghị định số 84/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ.

13. *Ngày hoàn tất giao dịch chứng khoán* là ngày kết thúc việc thanh toán giao dịch thực hiện qua Sở giao dịch chứng khoán.

14. *Luật Doanh nghiệp* là Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;

15. *Luật Chứng khoán* là Luật chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29/6/2006 đã được sửa đổi theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán số 62/2010/QH12 ngày 24/11/2010;

16. *Nghị định 58/2012/NĐ-CP* là Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20/7/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật chứng khoán và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật chứng khoán.

17. *Nghị định 60/2015/NĐ-CP* là Nghị định số 60/2015/NĐ-CP ngày 26/6/2015 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 58/2012/NĐ-CP.

18. *Thông tư 123/2015/TT-BTC* là Thông tư số 123/2015/TT-BTC ngày 19/8/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

19. *Thông tư 155/2015/TT-BTC* là Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

20. *Thông tư 162/2015/TT-BTC* là Thông tư số 162/2015/TT-BTC ngày 26/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn chào bán chứng khoán ra công chúng, chào bán cổ phiếu để hoán đổi, phát hành thêm cổ phiếu, mua lại cổ phiếu, bán cổ phiếu quỹ và chào mua công khai cổ phiếu.

Điều 3. Nguyên tắc công bố thông tin

1. Việc công bố thông tin phải đầy đủ, chính xác, kịp thời theo quy định pháp luật và bảo đảm:

a) Đối tượng công bố thông tin phải chịu trách nhiệm về nội dung thông tin công bố. Trường hợp có sự thay đổi nội dung thông tin đã công bố, đối tượng công bố thông tin phải công bố nội dung thay đổi và lý do thay đổi so với thông tin đã công bố trước đó;

b) Trường hợp có sự kiện, thông tin làm ảnh hưởng đến giá chứng khoán, đối tượng công bố thông tin phải xác nhận hoặc đính chính về sự kiện, thông tin đó trong vòng 24 giờ, kể từ khi nhận biết được về sự kiện, thông tin đó hoặc theo yêu cầu của UBCKNN, SGDCK;

c) Việc công bố các thông tin cá nhân bao gồm số Thẻ căn cước công dân, số Chứng minh thư nhân dân hoặc số Hộ chiếu còn hiệu lực, địa chỉ liên lạc, địa chỉ thường trú, số điện

cũng phải lập báo cáo tài chính năm có kiểm toán, báo cáo tài chính năm hợp nhất hoặc báo cáo tài chính năm tổng hợp thì phải có yêu cầu bằng văn bản gửi UBCKNN xem xét gia hạn thời gian công bố báo cáo tài chính năm nhưng thời gian gia hạn tối đa không quá 100 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính bảo đảm phù hợp với quy định pháp luật liên quan.

Điều 8. Báo cáo tài chính bán niên

Tổng công ty phải công bố báo cáo tài chính bán niên đã được soát xét bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán.

a) Báo cáo tài chính bán niên phải là báo cáo tài chính giữa niên độ dạng đầy đủ theo Chuẩn mực kế toán "Báo cáo tài chính giữa niên độ", trình bày số liệu tài chính trong 06 tháng đầu năm tài chính của Tổng công ty, được lập theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 7 Quy chế này. Báo cáo tài chính bán niên phải được soát xét theo Chuẩn mực về công tác soát xét báo cáo tài chính. Toàn văn báo cáo tài chính bán niên phải được công bố đầy đủ, kèm theo ý kiến kiểm toán và văn bản giải trình của Tổng công ty trong trường hợp báo cáo tài chính bán niên được soát xét có kết luận của kiểm toán viên là không đạt yêu cầu;

b) Thời hạn công bố báo cáo tài chính bán niên:

Tổng công ty phải công bố báo cáo tài chính bán niên đã được soát xét trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo soát xét nhưng không được vượt quá 45 ngày, kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm tài chính.

Trường hợp Tổng công ty không thể hoàn thành việc công bố báo cáo tài chính bán niên trong thời hạn nêu trên do phải lập báo cáo tài chính bán niên hợp nhất hoặc báo cáo tài chính bán niên tổng hợp; hoặc do các công ty con, công ty liên kết của Tổng công ty cũng phải lập báo cáo tài chính bán niên đã được soát xét, báo cáo tài chính bán niên hợp nhất, báo cáo tài chính bán niên tổng hợp thì ỦBCKNN xem xét gia hạn thời gian công bố báo cáo tài chính bán niên khi có yêu cầu bằng văn bản của Tổng công ty, nhưng tối đa không quá 60 ngày, kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm tài chính bảo đảm phù hợp với quy định pháp luật liên quan.

Điều 9. Báo cáo tài chính quý

Tổng công ty phải công bố báo cáo tài chính quý

a) Báo cáo tài chính quý phải là báo cáo tài chính giữa niên độ dạng đầy đủ theo Chuẩn mực kế toán "Báo cáo tài chính giữa niên độ", được lập theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 7 Quy chế này. Toàn văn báo cáo tài chính quý phải được công bố đầy đủ.

b) Thời hạn công bố báo cáo tài chính quý:

Tổng công ty phải công bố báo cáo tài chính quý trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày kết thúc quý. Tổng công ty công bố báo cáo tài chính quý được soát xét (nếu có) trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo soát xét.

Trường hợp Tổng công ty không thể hoàn thành việc công bố báo cáo tài chính quý trong thời hạn nêu trên do phải lập báo cáo tài chính quý hợp nhất hoặc báo cáo tài chính quý tổng hợp; hoặc do các công ty con, công ty liên kết của Tổng công ty cũng phải lập báo cáo tài chính quý hợp nhất, báo cáo tài chính quý tổng hợp thì ỦBCKNN xem xét gia hạn thời gian công bố báo cáo tài chính quý khi có yêu cầu bằng văn bản của Tổng công ty, nhưng tối đa không quá 30 ngày, kể từ ngày kết thúc quý bảo đảm phù hợp với quy định pháp luật liên quan.

Điều 10. Các trường hợp phải giải trình nguyên nhân khi công bố báo cáo tài chính

a) Khi công bố thông tin các báo cáo tài chính nêu tại Điều 7, Điều 8, Điều 9 Quy chế này Tổng công ty phải đồng thời giải trình nguyên nhân khi xảy ra một trong các trường hợp sau:

- Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ công bố thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước;

- Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ; hoặc chuyển từ lãi ở kỳ trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại;
- Số liệu, kết quả hoạt động kinh doanh lũy kế từ đầu năm tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong báo cáo tài chính quý 2 đã công bố so với báo cáo tài chính bán niên được soát xét; hoặc tại báo cáo tài chính quý 4 đã công bố so với báo cáo tài chính năm được kiểm toán có sự chênh lệch từ 5% trở lên; hoặc chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại;
- Số liệu, kết quả hoạt động kinh doanh tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán hoặc soát xét từ 5% trở lên.

b) Tổng công ty giải trình nguyên nhân phát sinh các sự kiện quy định tại khoản a Điều này trên cả sơ sở báo cáo tài chính của Tổng công ty và báo cáo tài chính hợp nhất, báo cáo tài chính tổng hợp (nếu có).

Điều 11. Thông tin báo cáo thường niên

1. Báo cáo thường niên được lập theo Phụ lục số 04 ban hành kèm theo Thông tư 155/2015/TT-BTC.

2. Thời hạn công bố chậm nhất là 20 ngày sau ngày công bố báo cáo tài chính năm được kiểm toán nhưng không vượt quá 120 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

3. Thông tin tài chính trong báo cáo thường niên phải phù hợp với báo cáo tài chính năm được kiểm toán.

Điều 12. Thông tin về cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Trường hợp lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông, Tổng công ty phải công bố thông tin tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.

2. Tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông

a) Chậm nhất 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông, Tổng công ty công bố trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty và của UBCKNN, SGDCK về việc họp Đại hội đồng cổ đông, trong đó nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông thường niên, bao gồm:

- Thông báo mời họp;
- Mẫu chỉ định đại diện theo uỷ quyền dự họp;
- Chương trình họp, phiếu biểu quyết;
- Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát;
- Các tài liệu tham khảo làm cơ sở thông qua quyết định và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

b) Tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông phải được đăng tải và cập nhật các sửa đổi, bổ sung (nếu có) cho tới khi kết thúc Đại hội đồng cổ đông.

c) Trường hợp không tổ chức thành công cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất, Tổng công ty phải công bố về chương trình và thời điểm dự kiến tổ chức các cuộc họp kế tiếp, tiếp tục duy trì việc đăng tải và cho phép cổ đông tải tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm a Khoản này cho đến khi tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông.

3. Biên bản họp, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trong thời hạn 24 giờ kể từ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Điều 13. Công bố thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài

Tổng công ty công bố thông tin về giới hạn tỷ lệ sở hữu nước ngoài của Tổng công ty và các thay đổi liên quan đến tỷ lệ sở hữu này trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty, của

SGDCK và Trung tâm lưu ký chứng khoán theo quy định tại khoản 5 Điều 8 Thông tư 155/2015/TT-BTC và Thông tư 123/2015/TT-BTC.

Điều 14. Công bố thông tin về báo cáo tiến độ sử dụng vốn

Trường hợp Tổng công ty chào bán chứng khoán, thực hiện công bố thông tin về báo cáo sử dụng vốn theo quy định tại khoản 6, 7 Điều 1 Nghị định 60/2015/NĐ-CP cụ thể như sau:

a) Trường hợp chào bán cổ phiếu riêng lẻ: Tổng công ty phải công bố báo cáo sử dụng vốn được kiểm toán xác nhận tại Đại hội đồng cổ đông hoặc thuyết minh chi tiết việc sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán trong báo cáo tài chính năm được kiểm toán xác nhận.

b) Trường hợp chào bán chứng khoán ra công chúng: Trường hợp huy động vốn để thực hiện dự án đầu tư, định kỳ 06 tháng kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán cho đến khi hoàn thành dự án; hoặc cho đến khi đã giải ngân hết số tiền huy động được, Tổng công ty phải báo cáo UBCKNN, SGDCK theo Mẫu số 05 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 60/2015/NĐ-CP và công bố thông tin về tiến độ sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán. Tổng công ty phải công bố báo cáo sử dụng vốn được kiểm toán xác nhận tại Đại hội đồng cổ đông hoặc thuyết minh chi tiết việc sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán trong báo cáo tài chính năm được kiểm toán xác nhận.

Điều 15. Gửi báo cáo danh sách cổ đông nhà nước, cổ đông lớn

Tổng công ty gửi báo cáo danh sách cổ đông nhà nước, cổ đông lớn tại thời điểm 6 tháng đầu năm và 6 tháng cuối năm dương lịch cho Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội. Báo cáo 6 tháng đầu năm căn cứ trên danh sách cổ đông được chốt tại thời điểm gần nhất trước ngày 30/06, gửi tới SGDCK chậm nhất là ngày 30/7; Báo cáo 6 tháng cuối năm căn cứ trên danh sách cổ đông chốt tại thời điểm gần nhất trước ngày 31/12, gửi tới SGDCK chậm nhất là ngày 30/01 năm tiếp theo, theo Mẫu 01_CBTT/SGDCK kèm theo Quy chế công bố thông tin của SGDCK Hà Nội.

MỤC 2: CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG

Điều 16. Công bố thông tin bất thường 24 giờ

1. Các thông tin bất thường dưới đây được công bố trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi xảy ra một trong các sự kiện sau đây:

a) Tài khoản của Tổng công ty tại ngân hàng bị phong tỏa hoặc được phép hoạt động trở lại sau khi bị phong tỏa, ngoại trừ trường hợp phong tỏa theo yêu cầu của chính Tổng công ty;

b) Tạm ngừng một phần hoặc toàn bộ hoạt động kinh doanh; bổ sung hoặc rút bớt một hoặc một số ngành nghề đầu tư, kinh doanh; bị đình chỉ hoặc thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép hoạt động;

c) Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông (bao gồm nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, biên bản họp hoặc biên bản kiểm phiếu (trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản). Trường hợp Đại hội đồng cổ đông thông qua việc hủy niêm yết, Tổng công ty phải công bố thông tin về việc hủy niêm yết kèm theo tỷ lệ thông qua của cổ đông không phải là cổ đông lớn;

d) Quyết định mua hoặc bán cổ phiếu quỹ; ngày thực hiện quyền mua cổ phiếu của người sở hữu trái phiếu kèm theo quyền mua cổ phiếu hoặc ngày thực hiện chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi sang cổ phiếu; quyết định chào bán chứng khoán ra nước ngoài và các quyết định liên quan đến việc chào bán chứng khoán theo quy định pháp luật về doanh nghiệp;

đ) Quyết định về mức cổ tức, hình thức trả cổ tức, thời gian trả cổ tức; quyết định tách, gộp cổ phiếu;

e) Quyết định về việc tổ chức lại doanh nghiệp (chia, tách, hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp), giải thể doanh nghiệp; thay đổi tên Tổng công ty, con dấu của Tổng công ty; thay đổi địa điểm, thành lập mới hoặc đóng cửa trụ sở chính, chi nhánh, phòng giao dịch; sửa đổi, bổ

sung Điều lệ; chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Tổng công ty;

f) Quyết định thay đổi kỳ kế toán, chính sách kế toán áp dụng (trừ trường hợp thay đổi chính sách kế toán áp dụng do thay đổi quy định pháp luật); Thông báo doanh nghiệp kiểm toán đã ký hợp đồng kiểm toán báo cáo tài chính năm hoặc thay đổi doanh nghiệp kiểm toán (sau khi đã ký hợp đồng); doanh nghiệp kiểm toán từ chối kiểm toán báo cáo tài chính của Tổng công ty; kết quả điều chỉnh hồi tố báo cáo tài chính (nếu có); ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần của kiểm toán viên đối với báo cáo tài chính;

g) Quyết định tham gia góp vốn thành lập, mua để tăng sở hữu trong một công ty dẫn đến công ty đó trở thành công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết hoặc bán để giảm sở hữu tại công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết dẫn đến công ty đó không còn là công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết hoặc giải thể công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết; Tổng công ty thực hiện công bố thông tin theo Mẫu 06_CBTT/SGDHN kèm theo Quy chế Công bố thông tin của Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội trong vòng 24 giờ kể từ khi có quyết định thay đổi.

h) Quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị thông qua hợp đồng, giao dịch giữa Tổng công ty với người nội bộ hoặc người có liên quan;

i) Quyết định phát hành trái phiếu chuyển đổi, cổ phiếu ưu đãi;

k) Khi có sự thay đổi số cổ phiếu có quyền biểu quyết đang lưu hành. Thời điểm công bố thông tin thực hiện như sau:

- Trường hợp mua lại cổ phiếu của người lao động theo chương trình lựa chọn của người lao động hoặc mua lại cổ phiếu lẻ thông qua công ty chứng khoán. Thông tin được công bố trong vòng 10 ngày đầu tiên của tháng trên cơ sở các giao dịch đã hoàn tất và cập nhật đến ngày công bố thông tin;

- Trường hợp Tổng công ty phát hành thêm cổ phiếu, tính từ thời điểm Tổng công ty báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về kết quả phát hành theo quy định pháp luật về phát hành chứng khoán;

- Trường hợp Tổng công ty giao dịch cổ phiếu quỹ, tính từ thời điểm Tổng công ty báo cáo kết quả giao dịch cổ phiếu quỹ theo quy định pháp luật về giao dịch cổ phiếu quỹ;

- Các trường hợp khác theo quy định công bố thông tin cụ thể đối với từng trường hợp.

Công bố thông tin với SGDCK: thực hiện theo mẫu 07/CBTT/SGDHN kèm theo Quy chế công bố thông tin tại SGDCK Hà Nội. Ngoài ra, Tổng công ty có trách nhiệm công bố khối lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết đang lưu hành trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty và cập nhật dữ liệu trong vòng 24 giờ kể từ khi báo cáo UBCKNN về kết quả phát hành hoặc giao dịch cổ phiếu quỹ hoặc các trường hợp khác dẫn đến thay đổi số lượng cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết.

l) Khi nhận được Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép hoạt động được sửa đổi, bổ sung; Đối với thông tin công bố về thay đổi nội dung trong Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép hoạt động (Tên tổ chức, địa chỉ, vốn điều lệ, ngành nghề kinh doanh, người đại diện theo pháp luật...): Tổng công ty thực hiện công bố thông tin theo Mẫu 05_CBTT/SGDHN kèm theo Quy chế công bố thông tin của SGDCK Hà Nội và gửi kèm Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép hoạt động thay đổi.

m) Tổng công ty thay đổi, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, bãi nhiệm người nội bộ. Trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày CBTT về việc thay đổi nhân sự, Tổng công ty gửi cho UBCKNN Bản cung cấp thông tin của người nội bộ mới (nếu có) theo Phụ lục số 03 ban hành kèm theo Thông tư 155/2015/TT-BTC; Thực hiện công bố thông tin theo Mẫu

02_CBTT/SGDHN và Mẫu 03_CBTT/SGDHN kèm theo Quy chế công bố thông tin của SGDCK Hà Nội trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ.

Trường hợp có phát sinh thay đổi người có liên quan của người nội bộ, Tổng công ty thực hiện báo cáo SGDCK trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày thay đổi theo Mẫu 04_CBTT_SGDHN và Mẫu 03_CBTT/SGDHN kèm theo Quy chế công bố thông tin của SGDCK Hà Nội.

n) Khi nhận được quyết định khởi tố, tạm giam, truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người nội bộ của Tổng công ty;

o) Khi nhận được bản án, quyết định của Tòa án liên quan đến hoạt động của Tổng công ty; kết luận của cơ quan thuế về việc Tổng công ty vi phạm pháp luật về thuế;

p) Quyết định vay hoặc phát hành trái phiếu dẫn đến tổng giá trị các khoản vay của Tổng công ty có giá trị từ 30% vốn chủ sở hữu trở lên tính tại báo cáo tài chính năm gần nhất đã được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính bán niên gần nhất được soát xét;

Trường hợp tổng giá trị các khoản vay của Tổng công ty đạt từ 30% vốn chủ sở hữu trở lên tính tại báo cáo tài chính năm gần nhất đã được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính bán niên gần nhất được soát xét, Tổng công ty công bố thông tin về các quyết định vay thêm hoặc phát hành thêm trái phiếu có giá trị từ 10% vốn chủ sở hữu trở lên theo báo cáo tài chính năm gần nhất đã kiểm toán hoặc báo cáo tài chính bán niên gần nhất được soát xét;

q) Tổng công ty nhận được thông báo của Tòa án thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản doanh nghiệp;

r) Khi xảy ra các sự kiện khác có ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất, kinh doanh hoặc tình hình quản trị của Tổng công ty.

s) Vốn góp của chủ sở hữu bị giảm từ 10% trở lên hoặc tổng tài sản bị giảm từ 10% trở lên tại báo cáo tài chính năm gần nhất đã được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính bán niên gần nhất được soát xét.

t) Quyết định tăng, giảm vốn điều lệ; quyết định góp vốn đầu tư vào một tổ chức, dự án, vay, cho vay hoặc các giao dịch khác với giá trị từ 10% trở lên trên tổng tài sản của Tổng công ty tại báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính bán niên gần nhất được soát xét; quyết định góp vốn có giá trị từ 50% trở lên vốn điều lệ của một tổ chức (xác định theo vốn điều lệ của tổ chức nhận vốn góp trước thời điểm góp vốn); quyết định mua, bán tài sản có giá trị từ 15% trở lên trên tổng tài sản của Tổng công ty tính tại báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính bán niên gần nhất được soát xét.

u) Được chấp thuận hoặc bị hủy bỏ niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán nước ngoài.

2. Khi công bố thông tin theo quy định tại Khoản 1 Điều này, Tổng công ty phải nêu rõ sự kiện xảy ra, nguyên nhân và các giải pháp khắc phục (nếu có).

Điều 17. Công bố thông tin Đại hội đồng cổ đông bất thường

1. Việc công bố thông tin về Đại hội đồng cổ đông bất thường thực hiện theo quy định tại Điều 12 Quy chế này.

2. Trường hợp lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản, chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến, Tổng công ty phải công bố trên trang thông tin điện tử của mình, đồng thời gửi cho tất cả các cổ đông phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết.

Điều 18. Công bố thông tin về ngày đăng kí cuối cùng thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu

Tổng công ty báo cáo và nộp đầy đủ các tài liệu là căn cứ pháp lý liên quan đến ngày đăng ký cuối cùng dự kiến thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu cho Trung tâm lưu ký chứng khoán, SGDCK, báo cáo UBCKNN, đồng thời công bố thông tin chậm nhất 10 ngày làm việc

trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến, ngoại trừ trường hợp công bố thông tin về ngày đăng ký cuối cùng chốt quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thực hiện theo khoản 1 Điều 12 Quy chế này.

Trường hợp Tổng công ty hủy thông báo về ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền liên quan đến tỷ lệ thực hiện, các trường hợp phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và các trường hợp liên quan đến việc điều chỉnh giá tham chiếu tại ngày giao dịch không hưởng quyền của SGDCK, Tổng công ty gửi thông báo bằng văn bản cho SGDCK nêu rõ lý do trong vòng 24 giờ kể từ khi ra thông báo nhưng chậm nhất 05 ngày làm việc trước ngày đăng ký cuối cùng, đồng thời công bố thông tin về việc hủy nội dung thông báo.

Điều 19. Công bố thông tin bất thường trong các trường hợp đặc biệt khác

a) Sau khi thay đổi kỳ kế toán, Tổng công ty công bố báo cáo tài chính khi thay đổi kỳ kế toán đã được kiểm toán theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán;

b) Sau khi hoàn tất việc chuyển đổi hình thức sở hữu doanh nghiệp, Tổng công ty công bố báo cáo tài chính sau khi chuyển đổi hình thức sở hữu doanh nghiệp đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật kế toán doanh nghiệp trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán;

c) Sau khi chia, tách, sáp nhập, Tổng công ty là doanh nghiệp bị chia, bị tách hoặc bị sáp nhập công bố Báo cáo tài chính khi chia tách, sáp nhập doanh nghiệp đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật kế toán trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán.

MỤC 3: CÔNG BỐ THÔNG TIN THEO YÊU CẦU

Điều 20. Công bố thông tin theo yêu cầu

1. Tổng công ty công bố thông tin trong vòng 24 giờ, kể từ khi nhận được yêu cầu của UBCKNN, SGDCK trong các trường hợp sau đây:

a) Khi xảy ra sự kiện ảnh hưởng nghiêm trọng đến lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư;

b) Có thông tin liên quan đến Tổng công ty làm ảnh hưởng lớn đến giá chứng khoán và cần phải xác nhận thông tin đó.

2. Nội dung thông tin công bố theo yêu cầu phải nêu rõ sự kiện được UBCKNN, SGDCK yêu cầu công bố; nguyên nhân và đánh giá của Tổng công ty về tính xác thực của sự kiện đó, giải pháp khắc phục (nếu có).

MỤC 4: CÔNG BỐ THÔNG TIN KHÁC

Điều 21. Công bố thông tin liên quan đến việc phát hành cổ phiếu, trái phiếu

1. Khi phát hành cổ phiếu, trái phiếu ra công chúng, Tổng công ty thực hiện công bố thông tin về việc chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra công chúng theo quy định pháp luật về chào bán cổ phiếu, trái phiếu ra công chúng.

2. Khi phát hành cổ phiếu, trái phiếu riêng lẻ, Tổng công ty thực hiện công bố thông tin về việc chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra công chúng theo quy định pháp luật về chào bán cổ phiếu, trái phiếu riêng lẻ.

Điều 22. Thông tin về chào mua công khai

1. Trường hợp Tổng công ty có cổ phiếu là đối tượng chào mua công khai

a) Khi Tổng công ty nhận được đề nghị chào mua công khai

Tổ chức, cá nhân chào mua công khai cổ phiếu của Tổng công ty phải gửi tài liệu đăng ký chào mua đến UBCKNN và Tổng công ty. Trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày nhận được tài liệu đăng ký chào mua, Tổng công ty có nghĩa vụ công bố thông tin về việc nhận được đề nghị chào mua trên phương tiện công bố thông tin của Tổng công ty và SGDCK.

b) Công bố ý kiến của HĐQT về đề nghị chào mua công khai

- Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được tài liệu đăng ký chào mua, HĐQT phải gửi UBCKNN và thông tin cho cổ đông hoặc nhà đầu tư biết ý kiến của Tổng công ty đối với đề nghị chào mua công khai;

- Ý kiến của HĐQT phải được thể hiện bằng văn bản, có chữ ký của đa số thành viên HĐQT và phải nêu rõ đánh giá của HĐQT đối với việc chào mua cổ phiếu. Trường hợp có ý kiến thành viên HĐQT khác với đánh giá của HĐQT, các bên có liên quan phải công bố kèm theo ý kiến này.

2. Trường hợp Tổng công ty thực hiện chào mua công khai cổ phiếu của Tổng công ty khác thực hiện công bố thông tin theo quy định tại Chương IV Nghị định 58/2012/NĐ-CP Chương VI Thông tư 162/2015/TT-BTC

Điều 23. Mua lại cổ phiếu, bán cổ phiếu quỹ

Tổng công ty khi giao dịch cổ phiếu quỹ thực hiện công bố thông tin theo quy định tại Điều 31 Thông tư 155/2015/TT-BTC Luật Chứng khoán, Nghị định 58/2012/NĐ-CP, Nghị định 60/2015/NĐ-CP, Thông tư 162/2015/TT-BTC và các văn bản hướng dẫn, cụ thể:

1. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày UBCKNN thông báo về việc nhận được đầy đủ tài liệu báo cáo mua lại cổ phiếu, bán cổ phiếu quỹ, Tổng công ty phải công bố thông tin trên phương tiện thông tin đại chúng theo Phụ lục số 24 ban hành kèm theo Thông tư 162/2015/TT-BTC.

2. Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc giao dịch mua lại cổ phiếu, bán cổ phiếu quỹ, Tổng công ty phải gửi báo cáo kết quả giao dịch cho UBCKNN và công bố thông tin ra công chúng theo mẫu Phụ lục số 25 ban hành kèm theo Thông tư 162/2015/TT-BTC. Trong trường hợp Tổng công ty không thực hiện hết số lượng cổ phiếu dự kiến giao dịch, Tổng công ty phải báo cáo và công bố lý do không hoàn thành.

3. Khi mua lại cổ phiếu, bán cổ phiếu quỹ Tổng công ty phải thực hiện công bố thông tin trên phương tiện công bố thông tin của SGDCK. Nội dung và thời điểm công bố thông tin theo quy định tại Khoản 1, 2 Điều này.

4. Trường hợp mua lại cổ phiếu, sau khi thanh toán hết số cổ phiếu mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán giảm hơn 10% thì Tổng công ty phải thông báo cho tất cả các chủ nợ biết và công bố thông tin trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày hoàn tất nghĩa vụ thanh toán việc mua lại cổ phiếu.

5. Trường hợp thay đổi việc mua, bán cổ phiếu quỹ. Tổng công ty phải báo cáo UBCKNN, đồng thời thực hiện công bố thông tin về quyết định thay đổi trên phương tiện thông tin đại chúng trong thời hạn 24 giờ kể từ khi ra quyết định thay đổi việc mua lại cổ phiếu, bán cổ phiếu quỹ theo mẫu Phụ lục số 26 ban hành kèm theo Thông tư 162/2015/TT-BTC.

6. Tổng công ty thông báo về thay đổi việc mua lại cổ phiếu, bán cổ phiếu quỹ trên phương tiện thông tin đại chúng, đồng thời gửi cho UBCKNN trong thời hạn 24 giờ kể từ khi được UBCKNN chấp thuận thay đổi việc mua lại cổ phiếu, bán cổ phiếu quỹ theo mẫu Phụ lục số 27 ban hành kèm theo Thông tư 162/2015/TT-BTC.

7. Khi thay đổi việc mua lại cổ phiếu, bán cổ phiếu quỹ Tổng công ty phải thực hiện công bố thông tin trên phương tiện công bố thông tin của SGDCK. Nội dung và thời điểm công bố thông tin theo quy định tại Khoản 5, 6 Điều này.

Chương III
CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA NHÀ ĐẦU TƯ THUỘC ĐỐI TƯỢNG CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 24. Công bố thông tin về sở hữu cổ phiếu của cổ đông lớn

1. Tổ chức, cá nhân, nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết của tổ chức niêm yết, tổ chức đăng ký giao dịch; khi không còn là cổ đông lớn; khi có sự tăng hoặc giảm tỷ lệ sở hữu cổ phiếu qua các ngưỡng 1% thực hiện công bố thông tin theo quy định tại Điều 26 Thông tư 155/2015/TT-BTC.

Việc thay đổi số lượng cổ phiếu vượt quá các ngưỡng 1% nêu tại khoản 2 Điều 26 Thông tư 155/2015/TT-BTC được xác định tại các ngưỡng 6%, 7%, 8%,... (không căn cứ trên tỷ lệ sở hữu của lần báo cáo gần nhất).

2. Trường hợp tỷ lệ sở hữu cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết của cổ đông lớn thay đổi do tổ chức niêm yết, tổ chức đăng ký giao dịch thực hiện mua/bán cổ phiếu quỹ hoặc phát hành thêm cổ phiếu trong khi nhà đầu tư không thực hiện giao dịch mua/bán cổ phiếu hoặc không thực hiện quyền mua cổ phiếu thì không phải công bố thông tin theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 26 Thông tư 155/2015/TT-BTC.

3. Thời điểm bắt đầu, kết thúc việc nắm giữ từ 5% số lượng cổ phiếu hoặc thời điểm thay đổi tỷ lệ sở hữu cổ phiếu qua các ngưỡng 1% nêu tại Khoản 1, 2 Điều này được tính kể từ thời điểm hoàn tất giao dịch chứng khoán theo quy định tại Khoản 13 Điều 2 Quy chế này.

4. Quy định tại Khoản 1, 2 Điều này không áp dụng đối với trường hợp thay đổi tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết phát sinh do Tổng công ty giao dịch cổ phiếu quỹ hoặc phát hành thêm cổ phiếu.

5. Tổng công ty công bố trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty trong vòng 03 ngày làm việc sau khi nhận được báo cáo liên quan đến sự thay đổi tỷ lệ sở hữu cổ phiếu, quyền mua cổ phiếu của các đối tượng được quy định tại Điều này.

Điều 25. Công bố thông tin về giao dịch của người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ

1. Theo quy định tại Khoản 1 Điều 28 Thông tư 155/2015/TT-BTC người nội bộ của Tổng công ty và người có liên quan của người nội bộ phải công bố thông tin và thực hiện các yêu cầu liên quan về giao dịch như sau:

a) Trước ngày thực hiện giao dịch tối thiểu là 03 ngày làm việc phải công bố thông tin và báo cáo cho UBCKNN, SGDCK và Tổng công ty về việc dự kiến giao dịch cổ phiếu, quyền mua cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi, quyền mua trái phiếu chuyển đổi của Tổng công ty, kể cả trường hợp chuyển nhượng không thông qua hệ thống giao dịch tại SGDCK (như các giao dịch cho hoặc được cho, tặng hoặc được tặng, thừa kế, chuyển nhượng hoặc nhận chuyển nhượng cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi, quyền mua cổ phiếu, quyền mua trái phiếu chuyển đổi...);

b) Mẫu công bố thông tin thực hiện theo Phụ lục số 10 hoặc Phụ lục số 11 ban hành kèm theo Thông tư 155/2015/TT-BTC;

c) Thời hạn thực hiện giao dịch không được quá 30 ngày, kể từ ngày đăng ký thực hiện giao dịch và chỉ được bắt đầu tiến hành phiên giao dịch đầu tiên sau 24 giờ kể từ khi có công bố thông tin từ SGDCK;

d) Không được đồng thời đăng ký mua và bán cổ phiếu, quyền mua cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi, quyền mua trái phiếu chuyển đổi của Tổng công ty trong cùng một đợt đăng ký và phải thực hiện giao dịch theo đúng thời gian và khối lượng đã đăng ký.

2. Theo quy định tại Khoản 2 Điều 28 Thông tư 155/2015/TT-BTC người nội bộ của Tổng công ty và người có liên quan của người nội bộ phải báo cáo và thực hiện các yêu cầu liên quan như sau

a) Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn tất giao dịch (trường hợp giao dịch kết thúc trước thời hạn đăng ký) hoặc kết thúc thời hạn dự kiến giao dịch, phải báo cáo cho UBCKNN, SGDCK và Tổng công ty về kết quả giao dịch đồng thời giải trình nguyên nhân không thực hiện được giao dịch hoặc không thực hiện hết khối lượng đăng ký (nếu có);

b) Báo cáo thực hiện theo Phụ lục số 12 hoặc Phụ lục số 13 ban hành kèm theo Thông tư 155/2015/TT-BTC;

c) Chỉ được đăng ký và thực hiện giao dịch tiếp theo khi đã báo cáo kết thúc đợt giao dịch trước đó.

3. Trường hợp sau khi đăng ký giao dịch, đối tượng đăng ký giao dịch không còn là người nội bộ của Tổng công ty hoặc người có liên quan của người nội bộ, đối tượng đăng ký giao dịch vẫn phải thực hiện việc báo cáo và công bố thông tin theo quy định tại Khoản 1, 2 Điều này.

4. Trường hợp người nội bộ của Tổng công ty hoặc người có liên quan của người nội bộ đồng thời là cổ đông lớn thì chỉ phải thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin áp dụng đối với người nội bộ và người có liên quan.

5. Trường hợp các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội của Tổng công ty (công đoàn, đoàn thanh niên...) thực hiện giao dịch cổ phiếu, quyền mua cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi, quyền mua trái phiếu chuyển đổi của Tổng công ty phải thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin như quy định đối với người nội bộ tại Khoản 1, 2, 3 Điều này.

6. Trong vòng 03 ngày làm việc sau khi nhận được các báo cáo liên quan đến giao dịch cổ phiếu, quyền mua cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi, quyền mua trái phiếu chuyển đổi của người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ theo quy định tại Điều này, Tổng công ty phải công bố trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty.

Chương IV
QUY TRÌNH CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 26. Tổ chức công bố thông tin

1. Thông tin Tổng công ty có nghĩa vụ công bố

a) Công bố thông tin định kì được thực hiện theo một quy trình đảm bảo thông tin luôn được công bố kịp thời, đúng quy định;

b) Các thông tin bất thường về thời gian nhưng thường xuyên phát sinh trong quá trình hoạt động của doanh nghiệp cũng được thực hiện theo một quy trình có thể kiểm soát.

c) Các thông tin bất thường khác và thông tin công bố theo yêu cầu phải có quy định xử lý từ khi tiếp nhận thông tin đến khi công bố thông tin.

2. Các thông tin Tổng công ty tiếp nhận từ các đối tượng có nghĩa vụ công bố

a) Tổng công ty lập, lưu trữ thông tin, cập nhật danh sách tổ chức, cá nhân, nhóm người sở hữu 5% số cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết để theo dõi nghĩa vụ công bố thông tin.

b) Tổng công ty lập, lưu trữ danh sách, thông tin người nội bộ và người có liên quan người nội bộ. Danh sách và thông tin được cập nhật thường xuyên mỗi khi có thay đổi.

c) Việc tiếp nhận, xử lý thông tin từ các đối tượng có nghĩa vụ công bố ở Điểm a, b Khoản này và các đối tượng khác, sau đó Tổng công ty thực hiện công bố theo quy định phải được xác lập bằng một quy trình có thể kiểm soát.

Điều 27. Quy trình công bố thông tin

1. Tiếp nhận yêu cầu công bố thông tin

a) Thông tin định kì đã được xác lập về thời gian và giao cho từng cá nhân, đơn vị cụ thể có trách nhiệm xử lý thông tin.

b) Việc tiếp nhận từng loại thông tin bất thường, thông tin theo yêu cầu phải công bố phải được giao cụ thể cho từng đơn vị có trách nhiệm tiếp nhận. Khi có thông tin đến, bất cứ cá nhân, đơn vị nào tiếp nhận cũng phải được chuyển đến đơn vị có trách nhiệm tiếp nhận để xử lý chuyển tiếp.

2. Xử lý thông tin

a) Xử lý thông tin là quá trình tạo ra thông tin để công bố.

b) Các cá nhân, đơn vị được giao trách nhiệm xử lý thông tin có quyền yêu cầu trong nội bộ Tổng công ty cũng như các đơn vị có vốn góp của Tổng công ty, hoặc các đối tượng liên quan khác cung cấp thông tin để phục vụ xử lý thông tin, phù hợp với các quy định của pháp luật và quy chế của Tổng công ty.

c) Thông tin sau khi xử lý phải được người có trách nhiệm phê duyệt.

d) Thông tin phải có định dạng sau:

- Văn bản là bản chính có đầy đủ dấu và chữ kí hợp lệ theo quy định của pháp luật;

- File dữ liệu điện tử:

+ File có định dạng DOC và EXCEL phải ghi đầy đủ tên và chức vụ người kí văn bản, số hiệu, ngày tháng văn bản;

+ File có định dạng PDF phải từ văn bản gốc có chữ kí và dấu màu đỏ của Tổng công ty.

- File điện tử bản tiếng Việt thống nhất cách đặt tên không dấu, ví dụ "dd/mm/yyyy-Mã CK-Bao cao tai chinh rieng nam 2017", " dd/mm/yyyy-Mã CK-Bao cao tai chinh hop nhat nam 2017" và tên phải đồng nhất khi có các định dạng khác nhau.

3. Gửi thông tin công bố

a) Thông tin sau khi được phê duyệt công bố, thông tin được chuyển đến Tổng Giám đốc/Người được ủy quyền công bố thông tin.

b) Thông tin văn bản được gửi qua đường bưu điện hoặc gửi trực tiếp tại trụ sở UBCKNN, SGDCK đồng thời gửi thông tin dưới dạng file điện tử cho UBCKNN, SGDCK theo hình thức được quy định. Trong trường hợp khẩn cấp, thông tin văn bản có thể gửi qua fax và đồng thời gửi bản chính cho UBCKNN, SGDCK.

c) Bộ phận tin học Tổng công ty đăng thông tin trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty tại chuyên mục "Quan hệ cổ đông". Trong chuyên mục "Quan hệ cổ đông" có các tiểu mục được quy định cho từng loại thông tin cụ thể.

4. Kiểm tra, nhận phản hồi

a) Đơn vị xử lí thông tin có trách nhiệm kiểm tra thông tin được công bố. Trường hợp phát hiện có sai lệch với thông tin công bố, thì phải báo cáo cho Tổng Giám đốc và người được uỷ quyền công bố thông tin.

b) Trường hợp bên nhận thông tin do Tổng công ty công bố phản hồi về tính chính xác của thông tin, thì các thông tin phản hồi được chuyển về đơn vị có trách nhiệm xử lý báo cáo Tổng Giám đốc và người được uỷ quyền công bố thông tin, đồng thời đề xuất cách xử lý và cải chính thông tin.

Điều 28. Bảo quản và lưu giữ thông tin

1. Về nguyên tắc chung việc lưu giữ các thông tin được công bố là vô thời hạn hoặc tuân thủ theo các quy định riêng của từng loại thông tin. Việc huỷ thông tin theo một thời hạn nhất định (nếu có) phải đảm bảo điều kiện quy định tại Khoản 3 Điều 3 Quy chế này. Việc huỷ thông tin trên các phương tiện công bố thông tin không đồng nhất với việc huỷ thông tin (gốc).

2. Các thư điện tử dùng để gửi thông tin chỉ được xoá khi chắc chắn không còn giá trị tham chiếu về việc gửi thông tin.

3. Thông tin công bố phải được lập hồ sơ lưu giữ tại Văn phòng tổng hợp và đơn vị xử lý thông tin.

4. Việc lưu trữ thông tin phải đảm bảo khả năng truy cập nhanh chóng mỗi khi cần đến.

Chương V
XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 29. Xử lý vi phạm

1. Các hành vi vi phạm Quy chế công bố thông tin dẫn đến vi phạm quy định pháp luật về công bố thông tin sẽ bị xem xét xử lý theo quy định tại Điều 7 Thông tư 155/2015/TT-BTC.

2. Tổ chức, cá nhân thuộc Tổng công ty có hành vi vi phạm Quy chế công bố thông tin dẫn đến các hậu quả làm ảnh hưởng xấu đến hoạt động kinh doanh và uy tín của Tổng công ty, thì tuỳ theo từng trường hợp cụ thể sẽ bị xem xét xử lý theo các quy định hiện hành của Tổng công ty.

Chương VI
ĐIỀU KHOẢN THỰC HIỆN

Điều 30. Hiệu lực thi hành

Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày ký Quyết định ban hành.

Điều 31. Tổ chức thực hiện

1. Tổng Giám đốc có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Quy chế này.

2. Trường hợp SGDCK có hướng dẫn chi tiết cách thức công bố thông tin áp dụng cho các đối tượng công bố thông tin phù hợp với quy định của pháp luật và hệ thống công bố thông tin của SGDCK thì quy trình thực hiện công bố thông tin phải thực hiện theo hướng dẫn của SGDCK.

3. Trường hợp có các quy định pháp luật về công bố thông tin chưa được đề cập tại Quy chế này hoặc có các quy định pháp luật mới ban hành khác với Quy chế này thì phải tuân thủ nghĩa vụ công bố thông tin được nêu tại các quy định pháp luật đó.

4. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc cần sửa đổi, bổ sung, Tổng Giám đốc tổng hợp, xem xét trình HĐQT xem xét, quyết định./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY NAM ĐỊNH

Nguyễn Văn Miêng

PHỤ LỤC 1
QUY TRÌNH CÔNG BỐ THÔNG TIN

Quy trình này áp dụng cho việc công bố thông tin của Tổng công ty và trường hợp Nhà đầu tư thuộc đối tượng công bố thông tin ủy quyền cho Tổng công ty thực hiện công bố thông tin.

1. Sơ đồ quy trình công bố thông tin

Bước	Quy trình	Trách nhiệm	Ghi chú
1	Gửi thông tin công bố	ĐHĐCĐ, HĐQT, Phòng/Ban, Đơn vị trực thuộc, nhà đầu tư	
2	Xử lý thông tin Chưa duyệt	Người phụ trách CBTT xử lý thông tin trình lãnh đạo phê duyệt	
3	Đại diện Pháp luật	Xem xét nội dung các tài liệu, báo cáo định kỳ	
4	Thực hiện CBTT Chưa nhận được tin CBTT	Người phụ trách CBTT thực hiện CBTT	
5	Website, UBCK HNX	Người đại diện theo pháp luật/Người được ủy quyền CBTT kiểm tra việc CBTT	
6	Lưu trữ	Bộ phận văn thư & các bộ phận có liên quan	

2. Diễn giải

Bước 1: Gửi thông tin

Khi phát sinh các thông tin cần công bố theo quy định, các phòng ban liên quan hoặc nhà đầu tư cần tập hợp tài liệu, thông tin cần công bố gửi đến người phụ trách công bố thông tin.

Bước 2: Xử lý thông tin

Người phụ trách CBTT tiến hành kiểm tra tính chính xác của nội dung các báo cáo, đối chiếu với với các quy định theo Quy chế này và pháp luật hiện hành. Trường hợp thông tin được cung cấp chưa đúng với Quy chế này và của pháp luật, người phụ trách CBTT yêu cầu Phòng/Ban, Nhà đầu tư điều chỉnh, bổ sung thông tin cho phù hợp trong thời hạn công bố thông tin theo quy định.

Việc xử lý thông tin phải được thực hiện trong vòng ba (03) ngày kể từ ngày nhận được thông tin (các trường hợp CBTT bất thường hoặc theo yêu cầu thì thời hạn sẽ được thông báo cụ thể).

Bước 3: Báo cáo người đại diện theo pháp luật

Người phụ trách CBTT báo cáo người đại diện theo pháp luật các thông tin cần công bố. Người đại diện theo pháp luật phải phê duyệt thông tin trong vòng ba (03) ngày trước ngày Tổng công ty phải CBTT theo quy định (các trường hợp CBTT bất thường hoặc theo yêu cầu thì thời hạn sẽ được thông báo cụ thể).

Bước 4: Thực hiện báo cáo công bố thông tin

Người phụ trách CBTT gửi văn bản công bố thông tin kèm dữ liệu điện tử đến UBCKNN, SGDCK, Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam, đồng thời gửi Bộ phận tin học - Phòng Kỹ thuật Đầu tư đăng tải thông tin lên trang thông tin điện tử của Tổng công ty.

Bước 5: Kiểm tra thông tin đã công bố

Người phụ trách CBTT kiểm tra các thông tin đã báo cáo với UBCKNN, SGDCK, Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam trong vòng 03 ngày kể từ ngày gửi báo cáo. Trường hợp văn bản công bố thông tin chưa tới nơi cần công bố, người phụ trách CBTT kiểm tra và gửi lại báo cáo.

Bước 6: Lưu trữ

Thông tin sau khi đã thực hiện báo cáo sẽ do văn phòng HĐQT lưu trữ bằng văn bản tối thiểu trong thời hạn 10 năm và dữ liệu điện tử trong trong thời hạn 05 năm để phục vụ cho việc kiểm tra, đối chiếu lại khi cần thiết.

PHỤ LỤC 2

DANH MỤC TÀI LIỆU CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ

STT	Báo cáo	Thời điểm CBTT	Thời hạn cuối cùng	Biểu mẫu
1	Báo cáo tài chính quý 4 năm XX-1	-	20/01/XX Nếu được gia hạn: 30/01/XX	-
2	Báo cáo Danh sách cổ đông nhà nước, cổ đông lớn năm XX-1	*Căn cứ trên danh cổ đông được chốt đến thời điểm gần nhất trước ngày 31/12*	30/01/XX	Quy chế CBTT HNX – Mẫu số 01
3	Báo cáo tài chính kiểm toán năm XX-1	*Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo*	31/03/XX Nếu được gia hạn: 10/04/XX	-
4	Báo cáo thường niên năm XX-1	*Trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày công bố BCTC năm được kiểm toán*	30/04/XX	Thông tư 155 - Phụ lục 04
5	Tài liệu ĐHĐCĐ	*Trước khi khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông chậm nhất là mười (10) ngày*	-	-
6	Báo cáo tài chính quý 1 năm XX	-	20/04/XX Nếu được gia hạn: 30/04/XX	-
7	Báo cáo tài chính quý 2 năm XX	-	20/07/XX Nếu được gia hạn: 30/07/XX	-
8	BCTC bán niên đã được soát xét	*Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày tổ chức kiểm toán được chấp thuận ký báo cáo soát xét*	14/08/XX Nếu được gia hạn: 29/08/XX	-
9	Báo cáo danh sách cổ đông nhà nước, cổ đông lớn 6 tháng đầu năm XX	*Căn cứ trên danh sách cổ đông được chốt đến thời điểm gần nhất trước ngày 30/06*	30/07/XX	Quy chế CBTT HNX – Mẫu số 01
10	Báo cáo tài chính quý 3 năm XX	-	20/10/XX Nếu được gia hạn: 30/10/XX	-
11	Tiến độ sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán (nếu có)	*Định kỳ sáu (06) tháng, kể từ ngày kết thúc đợt chào bán*	-	Thông tư 162 – Phụ lục 13

Ghi chú: Năm *XX là năm của kỳ báo cáo và không phải là năm nhuận.*

PHỤ LỤC 3 QUY ĐỊNH CHI TIẾT THỜI GIAN, TÀI LIỆU VÀ ĐƠN VỊ CUNG CẤP THÔNG TIN

TT	Nội dung công bố thông tin (CBTT)	Nơi cung cấp	Thời gian quy định gửi thông tin cho Phòng TCHC	Thời gian công bố thông tin theo Thông tư số 155/2015/TT-BTC
I	**CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ**			
1	**Báo cáo tài chính (BCTC) gồm Báo cáo riêng và hợp nhất**			
1.1	BCTC Năm đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán	Phòng TCKT	Trước ngày CBTT theo quy định 01 ngày	Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký BCTC nhưng không quá 90 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính. ** Có thể xin gia hạn: nhưng không quá 100 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính (Tổng công ty có công văn gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN) và được UBCKNN xem xét gia hạn).*
1.2	BCTC Bán niên đã được soát xét bởi tổ chức kiểm toán	Phòng TCKT	Trước ngày CBTT theo quy định 01 ngày.	Trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký soát xét nhưng không quá 45 ngày, kể từ ngày kết thúc Bán niên (30/6). ** Có thể xin gia hạn: nhưng không quá 60 ngày, kể từ ngày kết thúc Bán niên (30/6).*
1.3	BCTC Quý hoặc BCTC Quý đã được soát xét (nếu có)	Phòng TCKT	Trước ngày CBTT theo quy định 01 ngày.	Trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày kết thúc Quý. ** Có thể xin gia hạn: nhưng không quá 30 ngày, kể từ ngày kết thúc quý khi được UBCKNN xem xét gia hạn.*

PHỤ LỤC 3 QUY ĐỊNH CHI TIẾT THỜI GIAN, TÀI LIỆU VÀ ĐƠN VỊ CUNG CẤP THÔNG TIN

TT	Nội dung công bố thông tin (CBTT)	Nơi cung cấp	Thời gian quy định gửi thông tin cho Phòng TCHC	Thời gian công bố thông tin theo Thông tư số 155/2015/TT-BTC
1.4	**Văn bản giải trình trong các trường hợp:** - Lợi nhuận sau thuế (LNST) thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước. - LNST trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi kỳ trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại. - Số liệu, Kết quả sản xuất kinh doanh (KQ SXKD) lũy kế từ đầu năm tại BCTC Quý 2 đã công bố và BCTC bán niên đã soát xét và/hoặc Số liệu, KQ SXKD lũy kế từ đầu năm tại BCTC Quý 4 đã công bố và BCTC năm đã kiểm toán chênh lệch 5% trở lên.	Phòng TCKT	Trước ngày CBTT theo quy định 01 ngày.	Công bố đồng thời với thời điểm công bố BCTC
2	**Báo cáo thường niên** (Theo mẫu tại Phụ lục số: 04 - Thông tư: 155/2015/TT-BTC)	Phòng TCHC và các Phòng chức năng		Chậm nhất 20 ngày sau ngày công bố BCTC đã được kiểm toán nhưng không quá 120 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính
2.1	Thộng tin chung của Tổng công ty: Mô hình quản trị, cơ cấu bộ máy quản lý; các công ty con, công ty liên kết; định hướng phát triển; các rủi ro ảnh hưởng đến hoạt động SXKD (hoặc đối với mục tiêu của Tổng công ty)	Phòng TCHC và các Phòng chức năng	28/2 hàng năm	
2.2	Tình hình SXKD của Tổng công ty; kết quả đạt được trong năm, so sánh với kế hoạch, phân tích nguyên nhân tăng giảm các chỉ tiêu.	Phòng TCKT	Ngay sau khi có Dự thảo BCTC năm được kiểm toán.	
2.3	Tổ chức và nhân sự: Danh sách ban điều hành, số lượng cán bộ nhân viên, các chính sách liên quan đến người lao động, hoạt động đào tạo người lao động	Phòng TCHC	28/2 hàng năm	
2.4	Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án	Phòng KTĐT	28/2 hàng năm	

PHỤ LỤC 3 QUY ĐỊNH CHI TIẾT THỜI GIAN, TÀI LIỆU VÀ ĐƠN VỊ CUNG CẤP THÔNG TIN

TT	Nội dung công bố thông tin (CBTT)	Nơi cung cấp	Thời gian quy định gửi thông tin cho Phòng TCHC	Thời gian công bố thông tin theo Thông tư số 155/2015/TT-BTC
2.5	Tình hình tài chính và BCTC: Các khoản đầu tư tài chính trong năm, tóm tắt tình hình tài chính của các Công ty con và Công ty liên kết; các chỉ tiêu tài chính…Ý kiến của kiểm toán; BCTC đã được kiểm toán.	Phòng TCKT	Ngay sau khi có Dự thảo BCTC năm được kiểm toán.	
2.6	Báo cáo tác động liên quan đến môi trường: Quản lý nguồn nguyên vật liệu, tiêu thụ năng lượng, tiêu thụ nước, tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường	Phòng KHKD, KTĐT	28/2 hàng năm	
2.7	Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu	Phòng TCHC	28/2 hàng năm	
2.8	Báo cáo đánh giá của Cơ quan điều hành: Kết quả hoạt động SXKD, tình hình tài chính, tình hình nợ phải trả, những cải tiến về tổ chức, kế hoạch phát triển trong tương lai…	Phòng TCKT, Thư ký TGĐ	28/2 hàng năm	
2.9	Đánh giá của Hội đồng quản trị (HĐQT) về các mặt hoạt động của Tổng công ty; kế hoạch và định hướng của HĐQT.	Thư ký HĐQT	28/2 hàng năm	
3	**Họp Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên và ĐHĐCĐ bất thường:** - Công bố toàn bộ tài liệu họp: Thông báo mời họp, mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp, chương trình họp, phiếu biểu quyết, danh sách và các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Ban HĐQT, thành viên BKS… - Trường hợp không tổ chức thành công cuộc họp ĐHĐCĐ lần thứ 1, Tổng công ty phải công bố về thông tin dự kiến tổ chức cuộc họp kế tiếp. - Tài liệu họp phải được cập nhật các sửa đổi bổ sung (nếu có) cho đến khi kết thúc Đại hội.	Phòng TCHC và các Phòng liên quan	Trước ngày công bố thông tin theo quy định 02 ngày	Chậm nhất 10 ngày trước ngày khai mạc họp ĐHĐCĐ thông báo trên Website Tổng công ty, UBCKNN và Sở giao dịch chứng khoán (SGDCK).

PHỤ LỤC 3 QUY ĐỊNH CHI TIẾT THỜI GIAN, TÀI LIỆU VÀ ĐƠN VỊ CUNG CẤP THÔNG TIN

TT	Nội dung công bố thông tin (CBTT)	Nơi cung cấp	Thời gian quy định gửi thông tin cho Phòng TCHC	Thời gian công bố thông tin theo Thông tư số 155/2015/TT-BTC
4	**Công bố thông tin về việc chào bán và sử dụng vốn:** Khi thực hiện chào bán chứng khoán riêng lẻ, chào bán chứng khoán ra công chúng thì phải thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định pháp luật về chào bán chứng khoán	Phòng TCHC, Thư ký HĐQT	Ngay sau khi phát sinh sự kiện hoặc ngay sau khi có QĐ của HĐQT	Công bố thông tin về việc chào bán của tổ chức phát hành, Báo cáo và công bố thông tin về kết quả chào bán theo quy định pháp luật về chào bán chứng khoán (TT: 162/2015/TT-BTC)
4.1	Trường hợp huy động vốn để thực hiện dự án đầu tư, định kỳ 06 tháng kể từ ngày kết thúc đợt chào bán cho đến khi hoàn thành dự án; hoặc cho đến khi đã giải ngân hết số tiền huy động được, phải báo cáo UBCKNN và công bố thông tin về tiến độ sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán.	Phòng TCKT	Định kỳ 06 tháng sau khi kết thúc đợt chào bán	Định kỳ 06 tháng sau khi kết thúc đợt chào bán
4.2	Trường hợp thay đổi các nội dung tại phương án sử dụng vốn, mục đích sử dụng vốn, Tổng công ty phải báo cáo UBCKNN và công bố thông tin nội dung thay đổi trên website của Tổng công ty. Mọi thay đổi phải được báo cáo lại tại ĐHĐCĐ gần nhất.	Phòng TCKT	Trong vòng 5 ngày kể từ ngày ra quyết định thay đổi các nội dung.	Trong vòng 10 ngày kể từ khi ra quyết định thay đổi các nội dung.
4.3	Báo cáo sử dụng vốn được kiểm toán xác nhận tại ĐHĐCĐ hoặc Thuyết minh chi tiết việc sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán trong BCTC năm được kiểm toán xác nhận. Quy định này không áp dụng đối với trường hợp chào bán cổ phiếu để hoán đổi các khoản nợ hoặc hoán đổi cổ phần, phần vốn góp.	Phòng TCKT	Sau khi có báo cáo sử dụng vốn được kiểm toán xác nhận	Sau khi có báo cáo sử dụng vốn được kiểm toán xác nhận
5	**Thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài**: Công bố thông tin về giới hạn tỷ lệ sở hữu nước ngoài và các thay đổi liên quan đến tỷ lệ sở hữu này trên website của Tổng công ty, của Sở giao dịch chứng khoán và Trung tâm lưu ký chứng khoán theo quy định.	Thư ký HĐQT	Ngay khi có quyết định của HĐQT	Khi có thay đổi về tỷ lệ sở hữu nước ngoài
6	**Báo cáo tình hình quản trị công ty**: Áp dụng sau khi Tổng công ty trở thành tổ chức niêm yết trên thị trường chứng khoán. (Theo mẫu Phụ lục số 05 - TT: 155/2015/TT-BTC)	Phòng TCHC		Định kỳ 6 tháng và năm, Chậm nhất là 30 ngày, kể từ ngày kết thúc kỳ báo cáo

PHỤ LỤC 3 QUY ĐỊNH CHI TIẾT THỜI GIAN, TÀI LIỆU VÀ ĐƠN VỊ CUNG CẤP THÔNG TIN

TT	Nội dung công bố thông tin (CBTT)	Nơi cung cấp	Thời gian quy định gửi thông tin cho Phòng TCHC	Thời gian công bố thông tin theo Thông tư số 155/2015/TT-BTC
6.1	Hoạt động của ĐHĐCĐ và HĐQT bao gồm: Thông tin về các cuộc họp và nghị quyết của ĐHĐCĐ; các thành viên, hoạt động giám sát của HĐQT, các nghị quyết của HĐQT.	Phòng TCHC, Thư ký HĐQT	20/01 và 20/7 hàng năm	
6.2	Ban kiểm soát: Thông tin các thành viên, hoạt động của Ban KS	Ban Kiểm soát	20/01 và 20/7 hàng năm	
6.3	Đào tạo về quản trị công ty; Danh sách về người có liên quan của Tổng công ty	Phòng TCHC	20/01 và 20/7 hàng năm	
6.4	Giao dịch của người nội bộ và người liên quan đến người nội bộ	Người nội bộ	Ngay sau khi có phát sinh giao dịch	
II	**CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG**			
1	Tài khoản của Tổng công ty tại các ngân hàng bị phong tỏa hoặc được phép hoạt động trở lại sau khi bị phong tỏa (ngoại trừ trường hợp phong tỏa theo yêu cầu của chính Tổng công ty)	Phòng TCKT	Ngay sau khi phát sinh sự kiện	Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện
2	- Tạm dừng một phần hoặc toàn bộ hoạt động kinh doanh; - Bổ sung hoặc rút bớt ngành nghề kinh doanh; - Bị đình chỉ/Thu hồi "Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp" hoặc "Giấy phép thành lập và hoạt động" hoặc "Giấy phép hoạt động"; - Khi nhận được Giấy đăng ký kinh doanh, Giấy phép thành lập (sửa đổi, bổ sung); - Thay đổi địa điểm, thành lập mới hoặc đóng cửa trụ sở chính, chi nhánh, phòng giao dịch.	Phòng TCHC, Thư ký HĐQT	Ngay sau khi phát sinh sự kiện hoặc ngay sau khi có QĐ của HĐQT	Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện
3	Thay đổi thông tin Bản cáo bạch sau khi đã được UBCKNN cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán.	Phòng TCHC	Ngay sau khi phát sinh sự kiện	Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện

PHỤ LỤC 3 QUY ĐỊNH CHI TIẾT THỜI GIAN, TÀI LIỆU VÀ ĐƠN VỊ CUNG CẤP THÔNG TIN

TT	Nội dung công bố thông tin (CBTT)	Nơi cung cấp	Thời gian quy định gửi thông tin cho Phòng TCHC	Thời gian công bố thông tin theo Thông tư số 155/2015/TT-BTC
4	- Thông qua quyết định của ĐHĐCĐ (bao gồm: nghị quyết, biên bản họp hoặc biên bản kiểm phiếu). - Trường hợp ĐHĐCĐ thông qua việc hủy niêm yết thì phải công bố thông tin về việc hủy niêm yết kèm theo tỷ lệ thông qua của cổ đông không phải là cổ đông lớn.	Phòng TCHC	Ngay sau khi kết thúc ĐHĐCĐ	Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện
5	- Quyết định mua hoặc bán cổ phiếu quỹ; - Ngày thực hiện quyền mua cổ phiếu của người sở hữu trái phiếu kèm theo quyền mua cổ phiếu hoặc ngày thực hiện chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi sang cổ phiếu; - Quyết định chào bán chứng khoán ra nước ngoài; - Các quyết định liên quan đến việc chào bán chứng khoán theo quy định pháp luật về doanh nghiệp.	Thư ký HĐQT	Ngay sau khi có QĐ của HĐQT	Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện
6	- Quyết định liên quan đến trả cổ tức; - Quyết định tách, gộp cổ phiếu.	Thư ký HĐQT	Ngay sau khi có QĐ của HĐQT	Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện
7	- Quyết định về việc tổ chức lại doanh nghiệp (chia, tách, hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp), Giải thể doanh nghiệp; thay đổi tên và con dấu của Tổng công ty; - Sửa đổi, bổ sung Điều lệ; - Chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của công ty.	Phòng TCHC, Thư ký HĐQT	Ngay sau khi có QĐ của HĐQT	Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện
8	- Quyết định thay đổi kỳ kế toán, chính sách kế toán áp dụng (trừ trường hợp thay đổi theo quy định pháp luật); - Thông báo doanh nghiệp kiểm toán đã ký hợp đồng kiểm toán BCTC năm hoặc thay đổi doanh nghiệp kiểm toán; - Doanh nghiệp kiểm toán từ chối kiểm toán BCTC của Tổng công ty; kết quả điều chỉnh hồi tố BCTC (nếu có); - Ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần của kiểm toán viên đối với BCTC.	Phòng TCKT, Thư ký HĐQT	Ngay sau khi phát sinh sự kiện hoặc ngay sau khi có QĐ của HĐQT	Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện

PHỤ LỤC 3 QUY ĐỊNH CHI TIẾT THỜI GIAN, TÀI LIỆU VÀ ĐƠN VỊ CUNG CẤP THÔNG TIN

TT	Nội dung công bố thông tin (CBTT)	Nơi cung cấp	Thời gian quy định gửi thông tin cho Phòng TCHC	Thời gian công bố thông tin theo Thông tư số 155/2015/TT-BTC
9	- Quyết định tham gia góp vốn thành lập, mua để tăng sở hữu trong một công ty dẫn đến công ty đó trở thành công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết; - Quyết định bán để giảm sở hữu tại công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết dẫn đến công ty đó không còn là công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết; - Quyết định giải thể công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết; đóng, mở chi nhánh, nhà máy, văn phòng đại diện.	Thư ký HĐQT	Ngay sau khi có QĐ của HĐQT	Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện
10	Quyết định của ĐHĐCĐ hoặc HĐQT thông qua hợp đồng, giao dịch giữa Tổng công ty với người nội bộ hoặc người có liên quan	Thư ký HĐQT	Ngay sau khi có QĐ của ĐHĐCĐ hoặc của HĐQT	Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện
11	Quyết định phát hành trái phiếu chuyển đổi, cổ phiếu ưu đãi	Thư ký HĐQT	Ngay sau khi có QĐ của HĐQT	Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện
12	Khi có sự thay đổi số cổ phiếu có quyền biểu quyết đang lưu hành. Cụ thể như sau: - Trường hợp phát hành thêm cổ phiếu, tính từ thời điểm Tổng công ty báo cáo UBCKNN về kết quả phát hành theo quy định pháp luật về phát hành chứng khoán. - Trường hợp có giao dịch cổ phiếu quỹ, tính từ thời điểm Tổng công ty báo cáo kết quả giao dịch cổ phiếu quỹ theo quy định pháp luật về giao dịch cổ phiếu quỹ. - Trường hợp mua lại cổ phiếu của CBCNV theo chương trình lựa chọn của người lao động hoặc mua lại cổ phiếu lẻ thông qua công ty chứng khoán.	Thư ký HĐQT	Ngay sau khi có QĐ của HĐQT	Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện

PHỤ LỤC 3 QUY ĐỊNH CHI TIẾT THỜI GIAN, TÀI LIỆU VÀ ĐƠN VỊ CUNG CẤP THÔNG TIN

TT	Nội dung công bố thông tin (CBTT)	Nơi cung cấp	Thời gian quy định gửi thông tin cho Phòng TCHC	Thời gian công bố thông tin theo Thông tư số 155/2015/TT-BTC
13	- Tổng công ty thay đổi, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, bãi nhiệm người nội bộ: Thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, thành viên Ban Kiểm toán nội bộ; Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Giám đốc tài chính, Kế toán trưởng, Trưởng phòng Tài chính kế toán, người được ủy quyền công bố thông tin. - Trong vòng 3 ngày, kể từ ngày công bố thông tin trên, Tổng công ty gửi Bản cung cấp thông tin của người nội bộ mới (nếu có) theo Phụ lục số 03 ban hành kèm theo Thông tư 155/2015/TT-BTC.	Phòng TCHC, Thư ký HĐQT	Ngay sau khi phát sinh sự kiện hoặc ngay sau khi có QĐ của HĐQT	Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện
14	Khi nhận được quyết định khởi tố, tạm giam, truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người nội bộ của Tổng công ty.	Phòng TCHC	Ngay sau khi phát sinh sự kiện	Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện
15	Khi nhận được bản án, quyết định của Tòa án liên quan đến hoạt động của công ty.	Phòng TCHC	Ngay sau khi phát sinh sự kiện	Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện
16	Kết luận của cơ quan thuế về việc Tổng công ty vi phạm pháp luật về thuế.	Phòng TCKT	Ngay sau khi phát sinh sự kiện	Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện
17	- Quyết định vay hoặc phát hành trái phiếu dẫn đến tổng giá trị các khoản vay của công ty mẹ -Tổng công ty có giá trị từ 30% vốn chủ sở hữu trở lên tính tại BCTC năm gần nhất đã được kiểm toán hoặc BCTC bán niên gần nhất được soát xét. - Trường hợp tổng giá trị các khoản vay của công ty mẹ - Tổng công ty đạt từ 30% vốn chủ sở hữu trở lên tính tại BCTC năm gần nhất đã được kiểm toán hoặc BCTC bán niên gần nhất được soát xét. - Công bố thông tin về các quyết định vay thêm hoặc phát hành thêm trái phiếu có giá trị từ 10% vốn chủ sở hữu trở lên theo BCTC năm gần nhất đã kiểm toán hoặc BCTC bán niên gần nhất được soát xét.	Phòng TCKT, Thư ký HĐQT	Ngay sau khi phát sinh sự kiện	Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện

PHỤ LỤC 3 QUY ĐỊNH CHI TIẾT THỜI GIAN, TÀI LIỆU VÀ ĐƠN VỊ CUNG CẤP THÔNG TIN

TT	Nội dung công bố thông tin (CBTT)	Nơi cung cấp	Thời gian quy định gửi thông tin cho Phòng TCHC	Thời gian công bố thông tin theo Thông tư số 155/2015/TT-BTC
18	Tổng công ty nhận được thông báo của Tòa án thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản doanh nghiệp;	Phòng TCHC	Ngay sau khi phát sinh sự kiện	Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện
19	Trường hợp thông qua nghị quyết ĐHĐCĐ dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản; Tổng công ty phải công bố trên website dự thảo Nghị quyết ĐHĐCĐ và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết.	Phòng TCHC		Chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến của cổ đông
20	Khi xảy ra các sự kiện khác có ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất, kinh doanh hoặc tình hình quản trị của Tổng công ty.	Các Phòng có liên quan	Ngay sau khi phát sinh sự kiện	Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện
21	Thông tin liên quan đến ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu.	Phòng TCHC		Chậm nhất 10 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng
22	**Công bố Báo cáo tài chính sau khi:** - Thay đổi kỳ kế toán đã được kiểm toán theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp; - Chuyển đổi hình thức sở hữu doanh nghiệp đã được kiểm toán theo quy định của Pháp luật kế toán doanh nghiệp; - Chia tách, sáp nhập doanh nghiệp đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật kế toán.	Phòng TCKT	Trong vòng 5 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán	Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán
23	**Công bố thông tin theo yêu cầu của UBCKNN, SGDCK nơi Tổng công ty niêm yết cổ phiếu:** - Khi xảy ra sự kiện ảnh hưởng nghiêm trọng đến lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư; - Có thông tin liên quan đến Tổng công ty ảnh hưởng lớn đến giá chứng khoán và cần phải xác nhận thông tin đó.	Phòng TCHC và các đơn vị có liên quan	Ngay sau khi phát sinh sự kiện	Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện
24	Vốn góp của chủ sở hữu bị giảm từ 10% trở lên hoặc tổng tài sản bị giảm từ 10% trở lên tại báo cáo tài chính năm gần nhất đã được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính bán niên gần nhất được soát xét.	Phòng TCKT	Ngay sau khi phát sinh sự kiện	Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện

PHỤ LỤC 3 QUY ĐỊNH CHI TIẾT THỜI GIAN, TÀI LIỆU VÀ ĐƠN VỊ CUNG CẤP THÔNG TIN

TT	Nội dung công bố thông tin (CBTT)	Nơi cung cấp	Thời gian quy định gửi thông tin cho Phòng TCHC	Thời gian công bố thông tin theo Thông tư số 155/2015/TT-BTC
25	- Quyết định tăng, giảm vốn điều lệ; - Quyết định góp vốn đầu tư vào một tổ chức, dự án, vay, cho vay hoặc các giao dịch khác với giá trị từ 10% trở lên trên tổng tài sản của công ty tại BCTC năm gần nhất được kiểm toán hoặc BCTC bán niên gần nhất được soát xét; - Quyết định góp vốn có giá trị từ 50% trở lên vốn điều lệ của một tổ chức (xác định theo vốn điều lệ của tổ chức nhận vốn góp trước thời điểm góp vốn); quyết định mua, bán tài sản có giá trị từ 15% trở lên trên tổng tài sản của công ty tính tại BCTC năm gần nhất được kiểm toán hoặc BCTC bán niên gần nhất được soát xét.	Phòng TCKT, Thư ký HĐQT	Ngay sau khi phát sinh sự kiện hoặc ngay sau khi có QĐ của HĐQT	Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện
26	Được chấp thuận hoặc bị hủy bỏ niêm yết tại SGDCK nước ngoài.	Phòng TCHC		Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện
III	**CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA CÁC ĐỐI TƯỢNG KHÁC**			
1	Công bố thông tin và báo cáo UB CKNN, SGDCK về liên quan đến sự thay đổi tỷ lệ sở hữu cổ phiếu, quyền mua cổ phiếu của các đối tượng sau: - Cổ đông lớn, nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết, hoặc khi không còn là cổ đông lớn. - Cổ đông lớn, nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết khi có sự tăng giảm tỷ lệ sở hữu cổ phiếu qua các ngưỡng 1%. - Không áp dụng đối với trường hợp phát sinh do giao dịch cổ phiếu quỹ hoặc phát hành thêm cổ phiếu.	Các cổ đông lớn, nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết ***(Sau đây gọi tắt là cổ đông lớn)***	Trước ngày CBTT theo quy định 01 ngày.	- Trong vòng 7 ngày kể từ khi hoàn tất giao dịch chứng khoán, ***Cổ đông lớn phải*** công bố thông tin và báo cáo UBCKNN, SGDCK và Tổng công ty. - Ngay sau khi nhận được báo cáo của *Cổ đông lớn*, Tổng công ty phải công bố thông tin trên website của mình.

PHỤ LỤC 3 QUY ĐỊNH CHI TIẾT THỜI GIAN, TÀI LIỆU VÀ ĐƠN VỊ CUNG CẤP THÔNG TIN

TT	Nội dung công bố thông tin (CBTT)	Nơi cung cấp	Thời gian quy định gửi thông tin cho Phòng TCHC	Thời gian công bố thông tin theo Thông tư số 155/2015/TT-BTC
2	Công bố thông tin về giao dịch của cổ đông sáng lập trong thời gian bị hạn chế chuyển nhượng, cụ thể: - Cổ đông sáng lập nắm giữ cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng phải gửi báo cáo cho Tổng công ty khi thực hiện giao dịch - theo mẫu tại Phụ lục 06 đính kèm Thông tư 155/2015/TT-BTC. Trường hợp chuyển nhượng cho người không phải là cổ đông sáng lập, người thực hiện chuyển nhượng phải gửi bổ sung nghị quyết của ĐHĐCĐ thông qua việc chuyển nhượng nêu trên. - Khi kết thúc trước thời hạn đăng ký hoặc thời hạn dự kiến giao dịch, cổ đông sáng lập phải báo cáo Tổng công ty kết quả thực hiện giao dịch đồng thời giải trình lý do không thực hiện được giao dịch hoặc không thực hiện hết khối lượng đã đăng ký (nếu có) - theo mẫu tại Phụ lục 07 đính kèm Thông tư 155/2015/TT-BTC.	Cổ đông sáng lập	Trước ngày CBTT theo quy định 01 ngày.	- Trong vòng 3 ngày làm việc trước khi giao dịch, ***Cổ đông sáng lập phải báo cáo*** UBCKNN, SGDCK và Tổng công ty. - Ngay sau khi nhận được báo cáo của *Cổ đông sáng lập*, Tổng công ty phải công bố thông tin trên website của mình.
3	Công bố thông tin về giao dịch của người nội bộ của Tổng công ty và người có liên quan đến người nội bộ, cụ thể:	Người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ ***(Sau đây gọi tắt là Người nội bộ)***	Trước ngày CBTT theo quy định 01 ngày.	- Trước ngày thực hiện giao dịch tối thiểu 3 ngày làm việc và; - Trong thời hạn 3 ngày làm việc kể từ ngày hoàn tất giao dịch (trước thời hạn đăng ký) hoặc kết thúc thời hạn dự kiến giao dịch, ***Người nội bộ phải công bố thông tin và báo cáo*** UBCKNN, SGDCK, Tổng công ty; - Ngay sau khi nhận được báo cáo của *Người nội bộ*, Tổng công ty phải công bố thông tin trên website của mình.

PHỤ LỤC 3 QUY ĐỊNH CHI TIẾT THỜI GIAN, TÀI LIỆU VÀ ĐƠN VỊ CUNG CẤP THÔNG TIN

TT	Nội dung công bố thông tin (CBTT)	Nơi cung cấp	Thời gian quy định gửi thông tin cho Phòng TCHC	Thời gian công bố thông tin theo Thông tư số 155/2015/TT-BTC
3.1	Người nội bộ của Tổng công ty và người có liên quan của các đối tượng này phải công bố thông tin và thông báo với Tổng công ty và UBCKNN về việc dự kiến giao dịch cổ phiếu, quyền mua cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi, quyền mua trái phiếu chuyển đổi của Tổng công ty, kể cả trường hợp chuyển nhượng không thông qua hệ thống giao dịch tại SGDCK (như các giao dịch cho hoặc được cho, tặng hoặc được tặng, thừa kế, chuyển nhượng hoặc nhận chuyển nhượng cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi, quyền mua cổ phiếu, quyền mua trái phiếu chuyển đổi...) theo mẫu ban hành kèm theo Thông tư 155/2015/TT-BTC. Thời hạn thực hiện giao dịch không được quá 30 ngày, kể từ ngày đăng ký thực hiện giao dịch và chỉ được bắt đầu tiến hành phiên giao dịch đầu tiên sau 24 giờ kể từ khi có công bố thông tin từ SGDCK.	Người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ	Trước ngày CBTT theo quy định 01 ngày.	Trước ngày thực hiện giao dịch tối thiểu 3 ngày làm việc, ***Người nội bộ phải công bố thông tin đăng ký giao dịch, báo cáo*** với UBCKNN, SGDCK và Tổng công ty; - Ngay sau khi nhận được báo cáo của *Người nội bộ*, Tổng công ty phải công bố thông tin trên website của mình.
3.2	Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn tất giao dịch (trường hợp giao dịch kết thúc trước thời hạn đăng ký) hoặc kết thúc thời hạn dự kiến giao dịch, người nội bộ của Tổng công ty và người có liên quan của các đối tượng này phải báo cho Tổng công ty về kết quả giao dịch đồng thời giải trình nguyên nhân không thực hiện được giao dịch hoặc không thực hiện hết khối lượng đăng ký (nếu có) theo Phụ lục số 12 hoặc Phụ lục số 13 ban hành kèm theo Thông tư 155/2015/TT-BTC. Người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ chỉ được đăng ký và thực hiện giao dịch tiếp theo khi đã báo cáo kết thúc đợt giao dịch trước đó.	Người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ	Ngay sau ngày hoàn tất giao dịch (trước thời hạn đăng ký) hoặc kết thúc thời hạn dự kiến giao dịch.	- Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn tất giao dịch (trước thời hạn đăng ký) hoặc kết thúc thời hạn dự kiến giao dịch ***Người nội bộ phải*** công bố thông tin, báo cáo kết quả giao dịch với UBCKNN và SGDCK và Tổng công ty. - Ngay sau khi nhận được báo cáo của *Người nội bộ*, Tổng công ty phải công bố trên website của mình.

PHỤ LỤC 3 QUY ĐỊNH CHI TIẾT THỜI GIAN, TÀI LIỆU VÀ ĐƠN VỊ CUNG CẤP THÔNG TIN

TT	Nội dung công bố thông tin (CBTT)	Nơi cung cấp	Thời gian quy định gửi thông tin cho Phòng TCHC	Thời gian công bố thông tin theo Thông tư số 155/2015/TT-BTC
3.3	Trường hợp sau khi đăng ký giao dịch, đối tượng đăng ký giao dịch không còn là người nội bộ của công ty đại chúng, người nội bộ của quỹ đại chúng hoặc người có liên quan của các đối tượng này, đối tượng đăng ký giao dịch vẫn phải thực hiện việc báo cáo và công bố thông tin theo quy định tại mục 3.1 và 3.2.	Người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ	Trước ngày CBTT theo quy định 01 ngày.	Như mục 3.1 và 3.2
3.4	Trường hợp người nội bộ của Tổng công ty hoặc người có liên quan của các đối tượng này đồng thời là cổ đông lớn, nhà đầu tư sở hữu từ 5% trở lên chứng chỉ quỹ đại chúng thì chỉ phải thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin áp dụng đối với người nội bộ và người có liên quan.	Người nội bộ và người có liên quan người của nội bộ là cổ đông lớn	Trước ngày CBTT theo quy định 01 ngày.	Như mục 3.1 và 3.2
3.5	Trường hợp các tổ chức công đoàn, đoàn thanh niên… thực hiện giao dịch cổ phiếu, quyền mua cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi, quyền mua trái phiếu chuyển đổi phải thực hiện nghĩa vụ cộng bố thông tin như quy định đối với người nội bộ như mục 3.1; 3.2; 3.3.	Công đoàn, Đoàn thanh niên	Trước ngày CBTT theo quy định 01 ngày.	Như mục 3.1; 3.2 và 3.3
4	Tổng công ty thực hiện công bố thông tin theo quy định tại Luật Chứng khoán và văn bản hướng dẫn: - Khi cổ phiếu của Tổng công ty bị chào mua công khai - Khi có giao dịch cổ phiếu quỹ - Trường hợp mua lại cổ phiếu của chính Tổng công ty, sau khi thanh toán hết số cổ phiếu mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán giảm hơn 10% thì Tổng công ty phải thông báo cho tất cả các chủ nợ biết và công bố thông tin trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày hoàn tất nghĩa vụ thanh toán việc mua lại cổ phiếu.	Phòng TCHC	Trước ngày CBTT theo quy định 01 ngày.	- Công bố thông tin theo quy định tại Luật Chứng khoán và văn bản hướng dẫn; - Tổng công ty phải thông báo cho tất cả các chủ nợ biết và công bố thông tin trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày hoàn tất nghĩa vụ thanh toán việc mua lại cổ phiếu.